

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM BÌNH  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 3 - 2022

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Minh Tân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Huỳnh Văn Hùng.

2. Ông Phan Kiên Nhân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Văng Thị Cẩm G, sinh năm 1991; cư trú tại Tổ 12, ấp 2, xã C, huyện T, tỉnh An Giang (*có mặt*).

2. Bị đơn: Anh Phan Thanh B1, sinh năm 1988; cư trú tại Số 71/6, ấp H1, xã T, huyện B2, tỉnh Vĩnh Long (*có mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Văng Thị Cẩm G trình bày:*

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Phan Thanh B1 tổ chức lễ cưới vào năm 2017 và đăng ký kết hôn vào ngày 15/5/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang. Sau lễ cưới vợ chồng về chung sống cùng gia đình cha mẹ ruột của chị tại địa chỉ Tổ 12, ấp 2, xã C, huyện T, tỉnh An Giang. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống không thể điều hòa được, thường xuyên xảy ra cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Nên anh B1 bỏ về nhà cha mẹ ruột của anh B1 địa chỉ Số 71/6, ấp H1, xã T, huyện B2, tỉnh Vĩnh Long sống ly thân với chị từ tháng 02/2021 đến nay không trở về đoàn

tự. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chỉ yêu cầu được ly hôn với anh B1.

- Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Chị và anh B1 có với nhau 01 người con chung tên Phan Thị Trúc L, sinh ngày 10/7/2018 hiện chị đang nuôi. Sau khi ly hôn, chỉ yêu cầu trực tiếp nuôi cháu L, không yêu cầu anh B1 cấp dưỡng cho con. Căn cứ cho yêu cầu: *Về điều kiện chăm sóc*, cháu L là trẻ em gái còn trong độ tuổi cần sự chăm sóc ân cần của người mẹ, hiện cháu đang do chị chăm sóc nuôi dưỡng; *về điều kiện kinh tế*, chị làm kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Công nghệ xuất nhập khẩu P - Văn phòng đại diện tại địa chỉ Khóm 2, Phường 1, thị xã H2, tỉnh Trà Vinh có thu nhập ổn định hàng tháng 10.000.000 đồng (BL: 26 - 30), sau khi trừ sinh hoạt phí chị tích lũy được 7.000.000 đồng đảm bảo khả năng tài chính nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử, bị đơn anh Phan Thanh B1 trình bày:*

Anh thống nhất lời trình bày của chị G về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân, về con chung, về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Theo yêu cầu khởi kiện của chị G, anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị G.

- Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu L, không yêu cầu chị G cấp dưỡng cho con. Căn cứ cho yêu cầu: *Về điều kiện kinh tế*, anh nhận làm cửa và khung nhà bằng nhôm sắt tại nhà (không mở tiệm) thu nhập bình quân hàng tháng 14.000.000 đồng, sau khi trừ sinh hoạt phí anh tích lũy được 10.000.000 đồng đảm bảo khả năng tài chính nuôi con; *về điều kiện chăm sóc*, do anh làm việc tại nhà nên có điều kiện gần gũi chăm sóc con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về hôn nhân: Chị G và anh B1 là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống không thể điều hòa được, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Chị G và anh B1 có thời gian dài sống ly thân từ tháng 02/2021 đến nay không trở về đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử tại phiên tòa sơ thẩm, chị G, anh B1 thống nhất ly hôn. Như vậy, đủ cơ sở kết luận hôn nhân giữa chị G và anh B1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn giữa chị G và anh B1.

[3] Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Chị G và anh B1 có với nhau 01 người con chung tên Phan Thị Trúc L, sinh ngày 10/7/2018. Xét điều kiện về kinh tế, chị G và anh B1 đều có nghề nghiệp tạo ra thu nhập đảm bảo cho việc nuôi con. Xét điều kiện về trông nom, chăm sóc thì cháu L là trẻ em gái còn trong độ tuổi cần sự chăm sóc ân cần của người mẹ, hiện cháu L đang do chị G chăm sóc nuôi dưỡng từ tháng 02/2021 đến nay. Do đó, để ổn định môi trường sống, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt đối với cháu L trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu L cho chị G được trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của chị G không yêu cầu anh B1 cấp dưỡng cho con, anh B1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết chị G và anh B1 mỗi người phải chịu án phí thuận tình ly hôn số tiền 75.000 đồng, hoàn trả cho chị G được nhận lại số tiền 225.000 đồng tạm ứng án phí chênh lệch.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Văng Thị Cẩm G và anh Phan Thanh B1.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Phan Thị Trúc L, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2018 cho chị Văng Thị Cẩm G được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận ý kiến của chị Văng Thị Cẩm G không yêu cầu anh Phan Thanh B1 cấp dưỡng cho con.

2.3. Anh Phan Thanh B1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc chị Văng Thị Cẩm G phải nộp án phí thuận tình ly hôn số tiền 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N0012449 ngày 05 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình. Hoàn trả cho chị G được nhận lại số tiền 225.000 (Hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chênh lệch.

4.2. Buộc anh Phan Thanh B1 phải nộp án phí thuận tình ly hôn số tiền 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Văng Thị Cẩm G, anh Phan Thanh B1. Báo cho chị G, anh B1 biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Cao Minh Tân**